

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHỆ
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/HS-ST

Ngày: 13-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHỆ, TỈNH THANH HÓA**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thế Hải

2. Ông Nguyễn Đức Hưng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghệ, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thị xã Nghệ, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Long – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thị xã Nghệ, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2022/TLST – HS ngày 22 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST – HS ngày 28 tháng 4 năm 2022, đối với bị cáo:

Đậu Văn H – Sinh năm: 1987 tại xã TL, thị xã Nghệ, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKTT: Thôn LB, xã TL, thị xã Nghệ, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 1/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đậu Văn Ng – Sinh năm: 1961 và bà: Bùi Thị H1 – Sinh năm: 1960.

Tiền sự: Không.

Tiền án:

- Ngày 14/4/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã Nghệ xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

- Ngày 24/6/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã Nghệ xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt với bản số 28/2015/HSST ngày 14/4/2015, Đậu Văn H phải chấp hành hình phạt của cả hai bản án là 24 tháng tù.

- Ngày 01/4/2019, bị Tòa án nhân dân Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2022 đến nay – Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Mai Thị Thùy Linh – Trợ giúp viên pháp lý – Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 7, thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa (Có mặt)

*** Người bị hại:** Bà Nguyễn Thị L - Sinh năm: 1977; Trú tại: Thôn ThV, xã TL, thị xã NghS, tỉnh Thanh Hóa (Vắng).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Anh T – Sinh năm: 1978; Trú tại: Thôn NTr, xã TrL, thị xã NghS, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 08/01/2022, Đậu Văn H (Sinh năm 1987, trú tại thôn LB, xã TL, thị xã NghS) đi đến thôn Thế Vinh, xã TL, thị xã Nghi Sơn thấy nhà chị Nguyễn Thị L không đóng cửa, đèn điện trong nhà vẫn đang sáng nên Hoàng nảy sinh ý định đột nhập vào trong nhà để trộm cắp tài sản. Hoàng leo qua bờ tường rào đi vào trong nhà, thấy chị L đang ngủ, ở trên cửa sổ có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme C12 (bị rạn vỡ mặt kính màn hình) thì Hoàng lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần. Sau đó, Hoàng đi sang phòng ngủ của con gái chị L là cháu Trần Thị Ng1, thấy cháu Ngọc đang ngủ, Hoàng lấy 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A12, vỏ màu xanh đang sạc pin đặt trên bàn học bỏ vào túi quần rồi rời khỏi nhà chị L. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày Hoàng mang 02 chiếc điện thoại trộm cắp được của chị L đến cửa hàng điện thoại di động Tuấn Hà thuộc thôn NTr, xã TrL, thị xã NghS bán cho anh Nguyễn Anh T được tổng số tiền là 1.100.000^d (*Một triệu một trăm nghìn đồng*) sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Đến chiều ngày 09/01/2022, anh T đã ép lại màn hình chiếc điện thoại Realme C12 với mục đích để bán lại cho khách.

Ngày 09/01/2022, Đậu Văn H đã đến Công an xã TL đầu thú, khai báo về hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra xác định cả 02 chiếc điện thoại mà Hoàng trộm cắp đều thuộc sở hữu của chị L.

Tại kết luận định giá tài sản số 04/KLĐGTS ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thị xã NghS kết luận: 02 chiếc điện thoại Hoàng trộm cắp của chị L nêu trên có tổng giá trị là 2.335.000^d (*Hai triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng*)

Đối với việc Nguyễn Anh T đã có hành vi mua 02 chiếc điện thoại nêu trên của Hoàng, khi mua, anh T không biết đó là tài sản do Hoàng phạm tội mà có nên hành vi của anh T không cấu thành tội phạm.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng

Ngày 10/01/2022, Nguyễn Anh T đã giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A12, vỏ màu xanh, bản 64Gb, Ram 4Gb, số Imei 1: 860573042377354, số Imei 2: 860573042377326 và 01 chiếc điện thoại di động

nhãn hiệu Realme C12, vỏ màu đỏ, bản 32Gb, Ram 3Gb, số Imei 1: 86642005665595, số Imei 2: 866420056655987, đều đã qua sử dụng. Sau khi tiến hành xác minh nguồn gốc và định giá tài sản, xét thấy không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị L.

Về dân sự: Bị hại là chị Nguyễn Thị L đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu đề nghị gì khác; anh Nguyễn Anh T không yêu cầu Đậu Văn H trả số tiền đã bỏ ra mua 02 chiếc điện thoại và chi phí ép kính điện thoại nên không xem xét.

Bản cáo trạng số: 63/CT – VKSNS ngày 20/4/2022 của VKSND thị xã NghS, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Đậu Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của BLHS.

**Tại phiên tòa Viện kiểm sát đề nghị:*

- Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của BLHS. Tuyên bố bị cáo Đậu Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Mức hình phạt mà VKS đề nghị xử phạt đối với bị cáo Đậu Văn H là từ 30 tháng đến 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 09/01/2022). Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX chấp nhận việc người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại đã gây ra.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

**Quan điểm của bà Mai Thùy Linh trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Đậu Văn H đề nghị HĐXX xem xét cụ thể:*

- Về tội danh: Người bào chữa đồng ý với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã NghS truy tố bị cáo Đậu Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS.

- Về nguyên nhân, hoàn cảnh và mục đích của hành vi phạm tội: Xuất phát từ nguyên nhân nhận thức về mặt pháp luật còn hạn chế nên bị cáo đã có hành vi bột phát nhất thời. Chính vì thế, sau khi nhận thức được hành vi sai trái của mình, bị cáo đã đến Công an xã TL, thị xã NghS xin được đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp không lớn, tài sản đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Vì vậy, khi lượng hình kính mong hội đồng xét xử xem xét đến tính chất của vụ án để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Về mức hình phạt: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 BLHS cho bị cáo Đậu Văn H được hưởng mức án từ 24 tháng đến 27 tháng tù để bị cáo thấy được tính nghiêm minh, công bằng, đồng thời cũng thấy được tính khoan hồng của pháp luật để sửa chữa

những sai lầm của mình, cố gắng rèn luyện, cải tạo trở thành người công dân có ích cho xã hội..

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thuộc hộ nghèo, gia đình khó khăn nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo thống nhất với tội danh mà nay là VKSND thị xã NghS, tỉnh Thanh Hóa truy tố và quan điểm bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý, không có tranh luận gì. Bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra Công an thị xã NghS, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã NghS, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa sơ thẩm công khai hôm nay, bị cáo Đậu Văn H khai nhận: Ngày 08/01/2022, lợi dụng thời điểm đêm khuya, trong lúc gia đình chị Nguyễn Thị L ở thôn Thế Vĩnh, xã TL, thị xã Nghi Sơn đang ngủ, Đậu Văn H đã lén lút đột nhập vào nhà chị L trộm cắp 01 chiếc điện thoại Oppo A12 và 01 chiếc điện thoại Realme C12 tổng trị giá 2.335.000^d (*Hai triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) đem bán cho anh Nguyễn Anh T ở thôn NTr, xã TrL để lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa cũng như lời khai tại CQĐT, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các chứng cứ khác về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội.

Bị cáo Đậu Văn H đã từng 03 lần bị kết án về các tội trộm cắp tài sản và tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ. Tại bản án số 28/HSST, ngày 01/4/2019, bị cáo đã bị đưa ra xét xử với tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm, đến nay chưa được xóa án tích. Nay lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của Hoàng thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*”.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thị xã NghS, tỉnh Thanh Hóa thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở kết luận Đậu Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của BLHS.

[3] Xét tính chất vụ án: Hành vi của bị cáo thực hiện không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mà

còn gây lo lắng, bất an cho quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an xã hội. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử, buộc bị cáo phải chịu một hình phạt là cần thiết và cần phải có đường lối xử lý tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra để giáo dục riêng cho bị cáo cũng như phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX thấy rằng: Đây là lần thứ 3 bị cáo đã bị đưa ra xét xử với cùng hành vi trộm cắp tài sản. Như vậy để thấy rằng bị cáo quá xem thường pháp luật. Bị cáo là một người đàn ông trưởng thành nhưng lại lười lao động làm ăn mà chỉ lợi dụng sơ hở của người có tài sản để thực hiện hành vi trộm cắp rồi mang đi bán lấy tiền tiêu **xài cá nhân**. Mặc dù giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp không lớn, tuy nhiên nó lại thể hiện bản chất không thay đổi của bị cáo. Vì vậy, nghĩ cần áp dụng Điều 38 BLHS cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới đủ sức giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội. Song khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo để bị cáo thấy được tính khoan hồng của pháp luật. Đó là, sau khi phạm tội, nhận thức được hành vi của mình nên bị cáo đã đến Công an xã Tùng Lâm xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Nguyễn Thị L đã nhận lại tài sản của mình và người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Anh T không có yêu cầu gì thêm, nên HĐXX không xem xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng". Nhưng do bị cáo không có nghề nghiệp, lại đang bị tạm giam. Nên HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt phụ đối với bị cáo.

[7] Án phí: Buộc bị cáo Đậu Văn H phải chịu án phí hình sự sơ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của BLHS.

- Tuyên bố: Bị cáo Đậu Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt: Đậu Văn H 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 09/01/2022). Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 136; 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23, mục 1 phần I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Đậu Văn H phải chịu 200.000^d án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Tuyên bố bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND thị xã NghS;
- Cơ quan CSĐT-CA thị xã NghS;
- Nhà tạm giữ - CA thị xã NghS;
- Chi cục THADS thị xã NghS;
- Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thanh Nga